

Số:15 /2019/QĐST-HNGĐ

Đồng Văn, ngày 11 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Y**, Sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện B - tỉnh H;

- Bị đơn: Anh **La Văn T** - Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Chi cục T, huyện Đ, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Chị Đỗ Thị Y và anh La Văn T nhất trí thoả thuận: Giao cháu La Minh T, sinh ngày 01/10/2002 cho chị Đỗ Thị Y chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên nhất trí thoả thuận chị Đỗ Thị Y ngừng cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 6 năm 2019, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Quyết định này thay thế cho mục: Việc nuôi con tại khoản 3 của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự số 90/2015/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang

2.3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Đỗ Thị Y chịu toàn bộ án phí sơ thẩm dân sự là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo sự thỏa thuận của hai bên. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H, theo biên lai số: 03074 ngày 22 tháng 4 năm 2019. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ trả lại cho chị Đỗ Thị Yên, địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện B;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Giàng Mí Chớ